

Cảnh báo


- Hãy yêu cầu một nhà thầu hay người lắp đặt có chuyên môn lắp đặt thiết bị này. Không cố tự lắp đặt thiết bị vì lắp đặt không đúng cách có thể dẫn đến rò rỉ nước, chất làm lạnh, gây chập điện hay cháy nổ.
- Chỉ sử dụng linh kiện hay phụ tùng thay thế do Daikin chỉ dẫn hoặc cung cấp. Hãy yêu cầu một nhà thầu hoặc người lắp đặt có chuyên môn lắp đặt các linh kiện, phụ tùng thay thế. Sử dụng các linh kiện hay phụ tùng thay thế không được phép hay lắp đặt không đúng cách có thể dẫn đến rò rỉ nước, chất làm lạnh, gây chập điện hay cháy nổ.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Sách hướng dẫn sử dụng có cung cấp các hướng dẫn an toàn và cảnh báo quan trọng. Phải tuyệt đối tuân thủ theo những chỉ dẫn này.
- Đây là thiết bị biến tần nên có thể sinh ra sóng hài. Nếu pháp luật sở tại yêu cầu cần triệt tiêu sóng hài tại công trình, vui lòng phối hợp với đơn vị thiết kế điện để thực hiện các biện pháp triệt tiêu sóng hài. Liên hệ với nhà cung cấp địa phương để có thêm chi tiết.

Thông báo


Liên hệ với nhà nhập khẩu, nhà phân phối và/hoặc nhà bán lẻ tại địa phương khi có yêu cầu..

Lưu ý về sự ăn mòn sản phẩm

1. Không nên lắp đặt máy điều hòa không khí tại những nơi sinh ra khí ăn mòn như khí axit hoặc kiem.
2. Nếu dàn nóng được lắp gần bờ biển, nên tránh vị trí đón gió biển trực tiếp. Nếu bạn muốn lắp dàn nóng gần bờ biển, hãy liên hệ với nhà phân phối tại địa phương.

Đại lý phân phối
CÔNG TY CỔ PHẦN DAIKIN AIR CONDITIONING (VIETNAM)

VĂN PHÒNG CHÍNH
Tầng 12, tòa nhà Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng 8, P.4, Q.3, TP. Hồ Chí Minh, Tel: (028) 62 504 888

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Tầng 12, tòa nhà Ocean Park Tower,
1 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, Hà Nội
Tel: (024) 3565 7677

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Số 7 lô 8A đường Lê Hồng Phong,
P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: (0225) 383 2900

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
Tầng 12, tòa nhà PVcomBank, Lô A2.1, Đường 30/4,
P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: (0236) 362 4250

CHI NHÁNH CẦN THƠ
37-38 Võ Nguyên Giáp, Khu dân cư Phú An,
P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
Tel: (0292) 626 9977

CHI NHÁNH KHÁNH HÒA
Tầng 8 - Tòa nhà VCN TOWER, Số 2 đường
Tổ Hữu, Khu đô thị VCN, Phường Phước Hải,
Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Tel: (0258) 625 8158

CHI NHÁNH NGHỆ AN
Số 74 Lê Lợi, P. Hưng Bình, TP. Vinh
Tel: (0238) 872 7785



DaikinVietnam www.daikin.com.vn

VRV là một thương hiệu của Daikin Industries, Ltd.
Hệ thống điều hòa không khí VRV là hệ thống ĐHKK độc lập đầu tiên trên thế giới với khả năng kiểm soát sự thay đổi lưu lượng môi chất lạnh và được ra mắt bởi Daikin vào năm 1982.
VRV là thương hiệu của Daikin Industries, Ltd., có nguồn gốc từ công nghệ mà chúng tôi gọi là "Variable Refrigerant Volume."

Thông số kỹ thuật, thiết kế và các nội dung khác xuất hiện trong tập tài liệu này phát hành kể từ tháng 08 năm 2022 nhưng có thể thay đổi mà không cần báo trước.

©All rights reserved 08/22 AK



Cung cấp nhiều chức năng mới mang lại lợi ích cho người dùng

VRV R SERIES



R-410A

Thu Hồi Nhiệt 50 / 60 Hz

Các chức năng đặc trưng độc quyền trong vỏ máy công suất lớn mới

Series VRV R mang lại sự linh hoạt thông qua hoạt động làm lạnh và sưởi ấm trong cùng một hệ thống VRV duy nhất.

Bằng cách thu hồi nhiệt, có thể giảm đáng kể mức tiêu thụ điện năng. Dòng VRV R áp dụng thiết kế dàn nóng mới để tạo ra một mô-đun đơn công suất lên đến 24 (HP). Thêm vào đó, các model mới đã tiết kiệm năng lượng đáng kể với công nghệ cải tiến. Hiệu suất hoạt động đã được cải thiện theo mọi hướng bằng cách giới thiệu những ý tưởng, công nghệ đặc trưng và nhiều chức năng đa dạng để tăng cường tính linh hoạt của thiết kế, dễ dàng lắp đặt và độ tin cậy.

Chúng tôi cung cấp những lợi ích cao hơn cho nhiều người dùng khác nhau liên quan đến hệ thống điều hòa không khí, ví dụ như chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, thợ lắp đặt và quản lý tòa nhà.



VRV R Series
Video Giới Thiệu



VRV R Series
Trang Web
Giới Thiệu

VRV R SERIES

Thu Hồi Nhiệt



Cho CHỦ ĐẦU TƯ



Chi Phí Vòng Đời & Sự Thoải Mái

Mô-đun đơn công suất lớn

- Không gian lắp đặt và chi phí được giảm bớt nhờ vào dàn nóng công suất lớn lên đến 24 (HP).



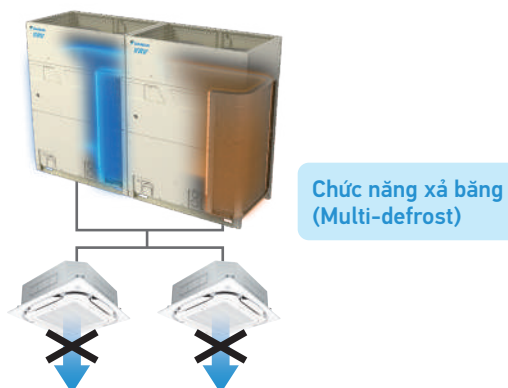
Công Nghệ Tiết Kiệm Năng Lượng

- Cải thiện khả năng tiết kiệm năng lượng nhờ vào máy nén hiệu suất cao và điều khiển VRT Smart.
- Đạt TCSPF/HSPF cao, giúp giảm chi phí vận hành.



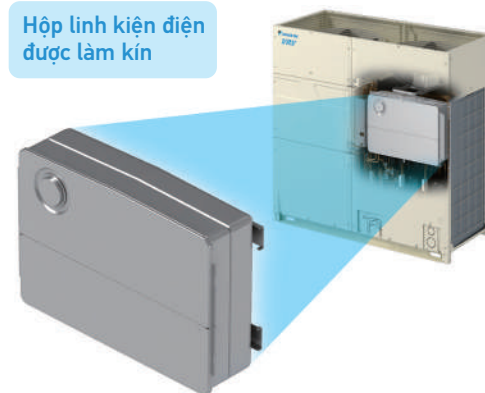
Tiện Nghi

- Hướng đến sự tiện nghi hơn nữa trong việc tiết kiệm năng lượng. Chức năng xả băng (multi-defrost) mới giúp giảm thiểu luồng gió khó chịu trong quá trình vận hành chu trình ngược của việc sưởi ấm.



Độ Tin Cậy

- Hộp linh kiện điện kín (IP55) ngăn chặn sự xâm nhập của các mảnh vụn hoặc nước, dẫn đến những hư hỏng không mong muốn.



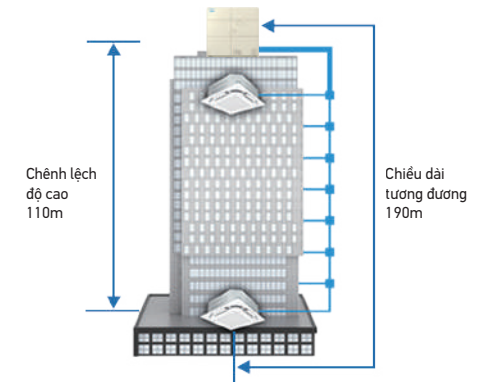
Cho TƯ VẤN THIẾT KẾ



Thiết Kế Linh Hoạt & Hỗ Trợ Kỹ Thuật

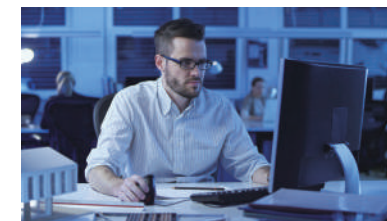
Đường Ống Môi Chất Lạnh Dài

- Chiều dài tương đương tối đa lên đến 190m
- Độ cao chênh lệch tối đa lên đến 110m (dài hơn 20m so với các model thông thường).
- Bằng việc áp dụng cả hai tiện ích cùng một lúc, hỗ trợ nhiều ứng dụng.



Phần mềm hỗ trợ kỹ thuật

- Hỗ trợ mạnh mẽ cho việc thiết kế, cung cấp hỗ trợ các phần mềm trong việc lựa chọn model, tiết kiệm năng lượng và mô phỏng IEQ, thiết kế bản vẽ,...



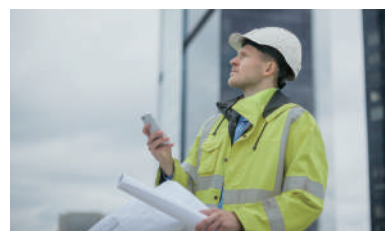
- Lựa Chọn Model
- Thiết Kế Bản Vẽ
- Phân Tích và Mô Phỏng

Dãy Sản Phẩm Dàn Lạnh Đa Dạng

- Với nhiều kiểu dàn lạnh có sẵn, đảm bảo luồng không khí thoải mái trong mọi không gian.



Cho NGƯỜI LẮP ĐẶT



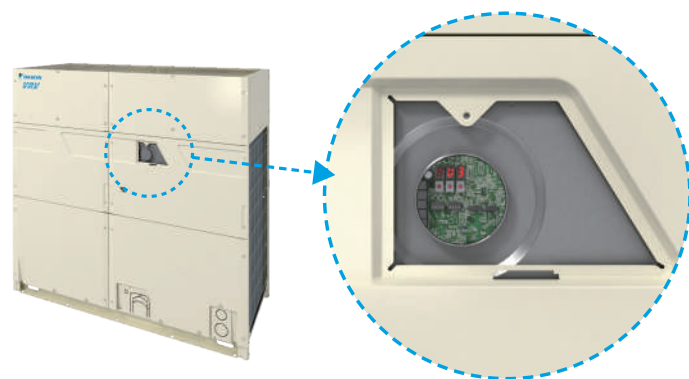
Dễ Dàng Lắp Đặt

Đường Ống Chính Nhỏ Hơn

- Đối với đường ống hơi của những dòng máy có công suất lên đến 20HP, kích thước của đường kính ống chính có thể được giảm so với kích thước tiêu chuẩn. Điều đó giúp giảm chi phí lắp đặt.

Cửa Sổ Dịch Vụ Linh Kiện Điện

- Dễ dàng tiếp cận PCB chính mà không cần tháo mặt nạ trước.
- Thiết lập công việc nhanh chóng và vận hành thử.



Bộ BS Đa Kết Nối Không Ngưng Tụ

- Tính khả thi của đường ống đã được cải thiện. Cấu trúc không nước ngưng cho phép giảm đáng kể việc xây dựng vì không cần đường ống nước ngưng.



Không ống nước ngưng

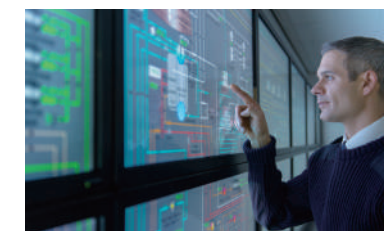
Mô-đun Đơn Công Suất Lớn

- Không gian lắp đặt và chi phí được giảm bớt nhờ vào dàn nóng công suất tối đa 24 (HP).



*1. Có một số hạn chế. Tham khảo trang 17 để biết thêm chi tiết.

Cho QUẢN LÝ TÒA NHÀ

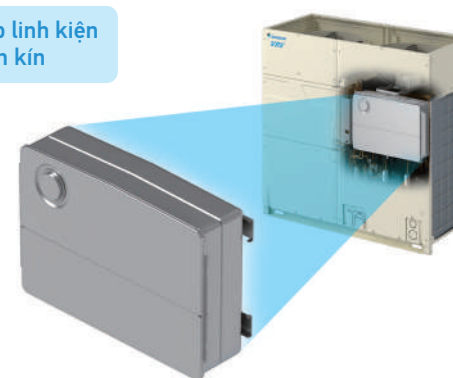


Tin Cậy & Thoải Mái

Hộp Linh Kiện Kín IP55

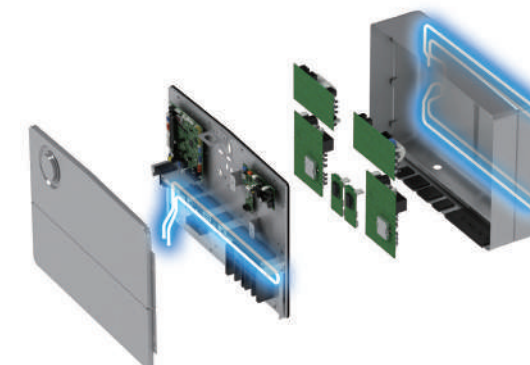
- Hộp linh kiện điện kín (IP55) ngăn chặn sự xâm nhập của các mảnh vỡ hoặc nước, dẫn đến hỏng hóc không mong muốn.

Hộp linh kiện điện kín



Hệ Thống Làm Lạnh Đường Ống Môi Chất Lạnh

- Mạch làm lạnh môi chất lạnh cho phép hoạt động ở nhiệt độ cao bên ngoài trời.



Điều Hòa Không Khí Liên Tục (Thoải Mái)

- Chức năng xả băng (multi-defrost) mới giúp giảm thiểu sự giảm nhiệt độ trong nhà trong quá trình sưởi ấm và duy trì sự thoải mái.

Chức năng xả băng (Multi-defrost)



VRV Thu Hồi Nhiệt



Series VRV R mang lại sự linh hoạt thông qua hoạt động làm lạnh và sưởi ấm đồng thời với một hệ thống VRV duy nhất.

Tình huống

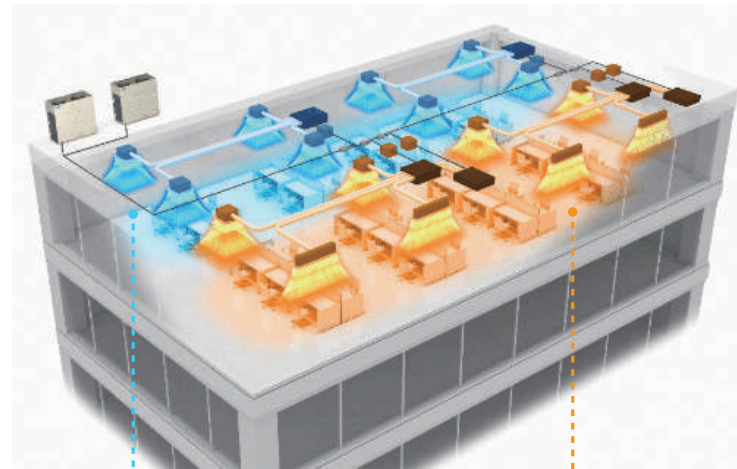
Các tòa nhà văn phòng gần đây rất kín gió và do việc sử dụng máy tính, thiết bị chiếu sáng và các thiết bị văn phòng, tải lạnh tăng ngay cả trong mùa đông.

Nhu cầu

Những tòa nhà này yêu cầu hoạt động làm lạnh và sưởi ấm linh hoạt.

Giải pháp

- Dòng VRV R cho phép linh hoạt thông qua việc làm lạnh và sưởi ấm đồng thời trong cùng một hệ thống VRV duy nhất.
- Cải thiện hiệu suất năng lượng bằng cách tái sử dụng nhiệt thải.

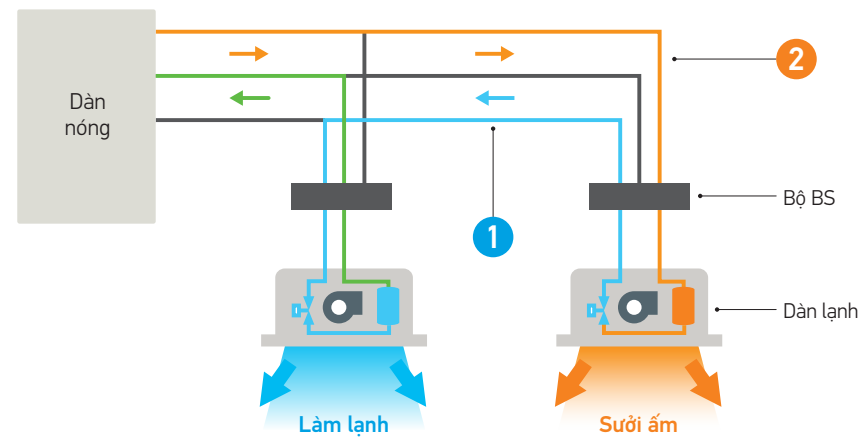


Khu vực nóng do nhiệt tỏa ra từ máy tính, v.v.
→ BẬT làm lạnh



Khu vực lạnh trong mùa đông do không khí lạnh từ cửa sổ
→ BẬT sưởi ấm

Hệ thống thu hồi nhiệt cải thiện hiệu suất năng lượng bằng cách tái sử dụng nhiệt thải.

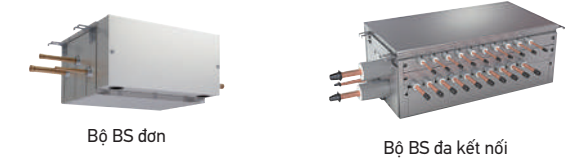


1 Nhiệt (lạnh) thải từ việc sưởi được sử dụng cho hoạt động làm mát.

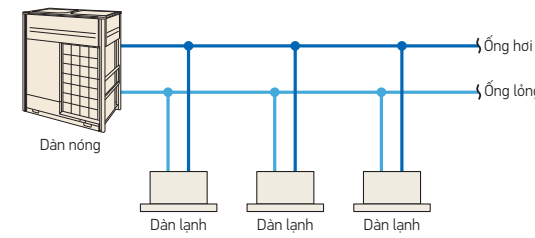
2 Nhiệt thải từ quá trình làm lạnh được sử dụng để tạo ra nhiệt cần thiết cho hoạt động sưởi ấm nhằm tiết kiệm điện.

Bộ BS (Loại đơn/Loại đa kết nối)

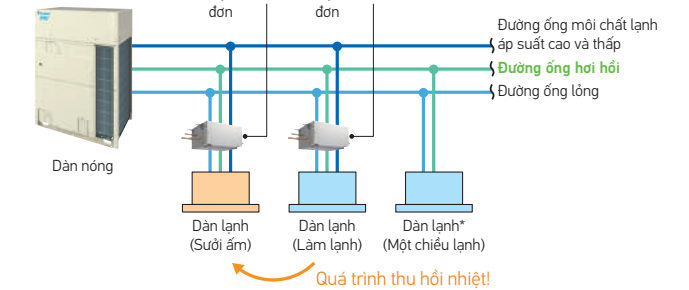
Bằng cách bổ sung đường ống gas dẫn và bộ BS (bán riêng), hoạt động làm lạnh và sưởi ấm đồng thời có thể được cung cấp bởi một hệ thống duy nhất.



Bơm nhiệt

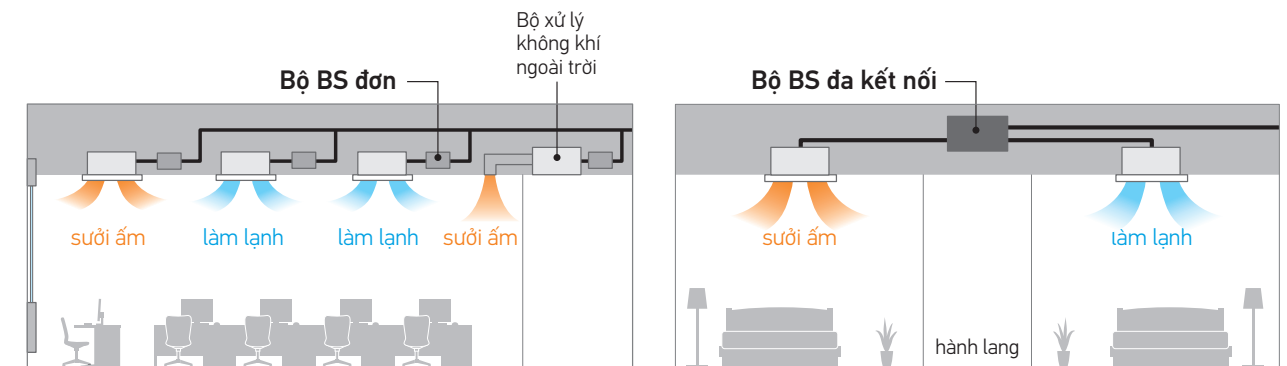


Thu hồi nhiệt



* Đối với những dàn lạnh chỉ dùng để làm lạnh (không kết nối với bộ BS khi sử dụng thu hồi nhiệt), chỉ số tổng công suất phải nhỏ hơn hoặc bằng 50% chỉ số công suất dàn nóng.

Tham khảo ứng dụng



Mùa đông (Tòa nhà văn phòng)

- Chênh lệch giữa tải lạnh và nhiệt từ phòng là lớn
- Có thể được sử dụng với bộ xử lý không khí ngoài trời

Mùa đông (Khách sạn)

- Có thể đáp ứng yêu cầu cá nhân: sưởi ấm và làm lạnh

Thiết Kế Dàn Nóng Mới



Cung cấp thiết kế tiên tiến và cấu trúc mới với khả năng hoạt động cao. Mô-đun dàn nóng lớn giúp giảm chi phí và không gian lắp đặt.

Công suất 8, 10, 12 (HP)



REYQ8BYM9 REYQ10BYM9
REYQ12BYM9

Công suất 14, 16, 18, 20 (HP)



REYQ14BYM9 REYQ16BYM9
REYQ18BYM9 REYQ20BYM9

Công suất 22, 24 (HP)



REYQ22BYM9
REYQ24BYM9

Kết hợp dàn nóng

Dãy công suất hệ thống (HP)		Tổ hợp	Công suất mô-đun đơn								
Công suất (HP)	kW		8	10	12	14	16	18	20	22	24
8	22.4	Đơn	●								
10	28.0			●							
12	33.5				●						
14	40.0					●					
16	45.0						●				
18	50.0							●			
20	56.0								●		
22	61.5									●	
24	67.0									●	
26	73.5	Tổ hợp 2 dàn nóng			●	●					
28	78.5				●	●					
30	83.5				●	●	●				
32	89.5				●	●	●	●			
34	96.0					●	●	●	●		
36	101						●	●	●	●	
38	106							●	●	●	●
40	112								●	●	●
42	117	Tổ hợp 3 dàn nóng						●	●	●	
44	123								●	●	●
46	129									●	●
48	134									●	●
50	140				●				●	●	●
52	146				●				●	●	●
54	152					●			●	●	●
56	157						●		●	●	●
58	162						●	●	●	●	
60	168							●	●	●	

Dàn nóng đơn công suất lớn

Dàn nóng đơn giúp giảm không gian lắp đặt



Model thông thường
VRV R SERIES

Công suất 22, 24 (HP)



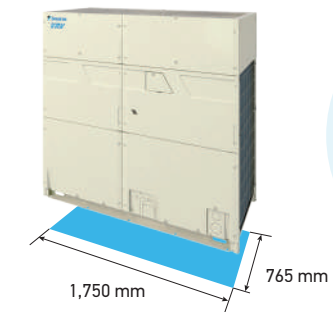
Không gian lắp đặt **1.44 m²**

Khối lượng máy **460 kg**



Model mới
VRV R SERIES

Công suất 22, 24 (HP)



Không gian lắp đặt giảm **7%**
Khối lượng máy giảm **11%**

Không gian lắp đặt **1.34 m²**

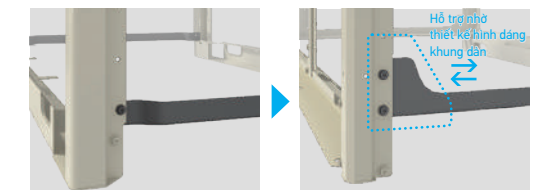
Khối lượng máy **409 kg**

Thiết kế kiên cố mới

Cấu trúc khung đã được tăng cường để cải thiện khả năng chống lại động đất và gió đồng thời bảo vệ chống rơi hoặc hư hại khác.



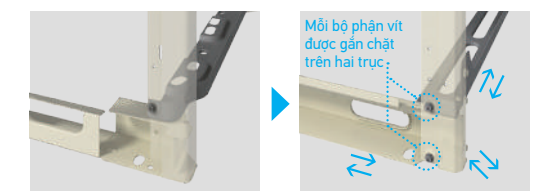
1 Giảm thiểu rung lắc theo phương ngang



Model thông thường

VRV R SERIES

2 Giảm thiểu rung lắc từ các góc độ khác nhau



Model thông thường

VRV R SERIES

Tiết Kiệm Năng Lượng

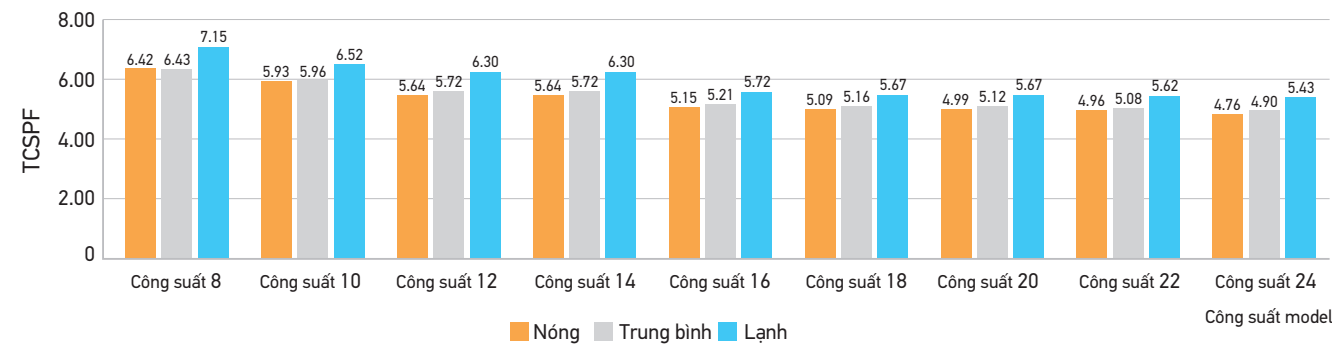


TCSPF / HSPF cao

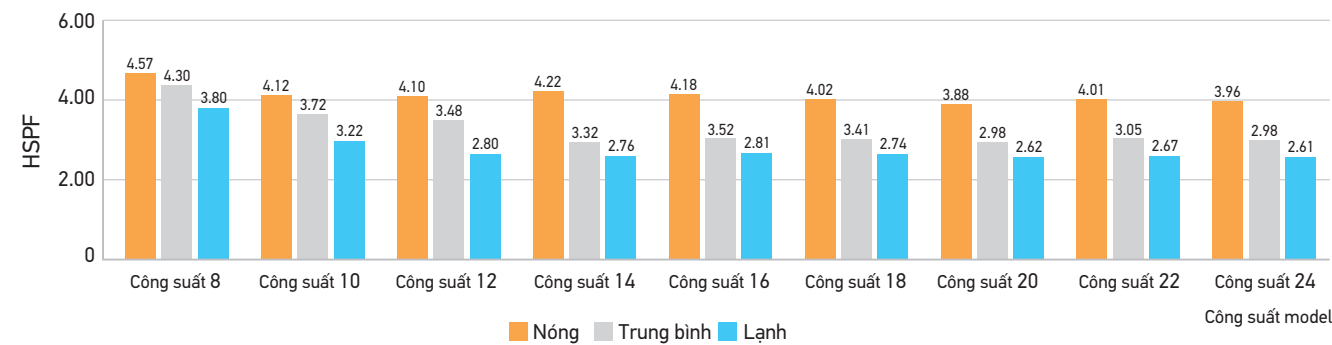
Tiết kiệm năng lượng trong quá trình hoạt động thực tế đã được cải thiện hơn nhờ sự phát triển của công nghệ phần mềm và phần cứng.

Đạt TCSPF và HSPF cao cho tất cả các series.

TCSPF (sử dụng cho thương mại)



HSPF (sử dụng cho thương mại)



TCSPF và HSPF là gì?

TCSPF : Tổng hệ số hiệu suất làm lạnh theo mùa
HSPF : Hệ số hiệu suất sưởi theo mùa

TCSPF & HSPF cho thấy tỉ lệ giữa Tổng công suất Lạnh và Sưởi của máy điều hòa không khí so với Tổng điện năng tiêu thụ của máy điều hòa không khí trong Tổng thời gian của hoạt động Làm lạnh & Sưởi.

Vì khu vực địa lý của Châu Đại Dương rộng lớn với điều kiện khí hậu thay đổi, cùng một sản phẩm sẽ có hiệu suất khác nhau tùy thuộc vào khu vực.

Do đó, hệ thống thiết bị của các lục địa chia theo các vùng khí hậu riêng biệt (nóng, trung bình và lạnh) và chỉ ra từng yếu tố hiệu suất ở điều kiện nhiệt độ khác nhau.

Các thành phố chính của từng khu vực

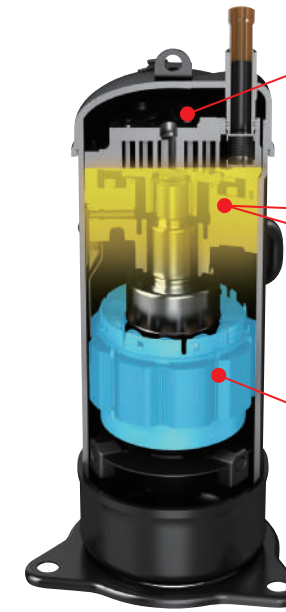
NÓNG : Brisbane, Darwin

TRUNG BÌNH : Adelaide, Perth, Sydney

LẠNH : Canberra, Hobart, Melbourne, New Zealand

Công nghệ phần cứng Máy Nén Hiệu Suất Cao

Các công nghệ mới làm tăng hiệu suất theo mùa và cho phép thiết kế nhỏ gọn.



Cải thiện cửa xả

Bằng việc cải thiện hình dáng của cửa xả môi chất lạnh, sự tăng áp suất gần cửa xả của môi chất lạnh sau khi nén bị triệt tiêu và giảm tổn thất nén.

Tối ưu hóa việc kiểm soát áp suất ngược

Chức năng kiểm soát dầu mới

Ngoài cổng điều chỉnh áp suất trung gian thông thường, áp suất ép của cuộn đĩa trong quá trình hoạt động đã được tối ưu hóa và cơ chế kiểm soát dầu được áp dụng đã giảm rò rỉ gas và tổn thất cơ học.

Khả năng thích ứng của động cơ tập trung hiệu suất cao

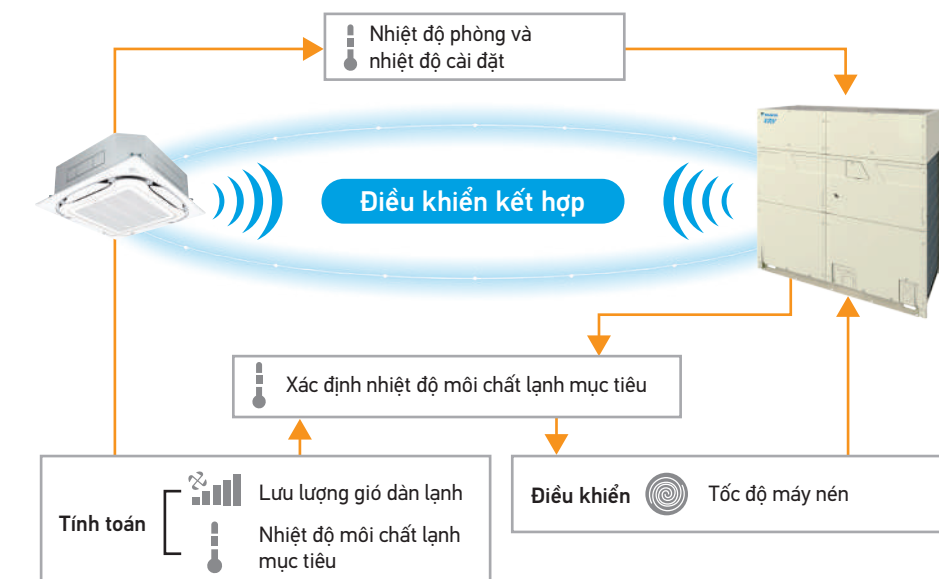
Bằng cách áp dụng nó, chu vi cuộn dây giảm đáng kể, làm cho cuộn dây dày và nhiều hơn và điện trở của cuộn dây được giảm đáng kể để cải thiện hiệu suất của động cơ. Ngoài ra, động cơ có trọng lượng nhẹ và kích thước nhỏ.

Công nghệ phần mềm Điều khiển VRT Smart

Kiểm soát môi chất lạnh giúp tiết kiệm năng lượng tự động

Tối ưu trong việc chỉ cung cấp cho những dàn lạnh cần thiết

- Giảm tải máy nén và giảm thiểu tổn thất khi vận hành nên tiết kiệm năng lượng.
- Kiểm soát công suất theo tải để đảm bảo nhiệt độ phòng không đổi mang lại sự thoải mái hơn.



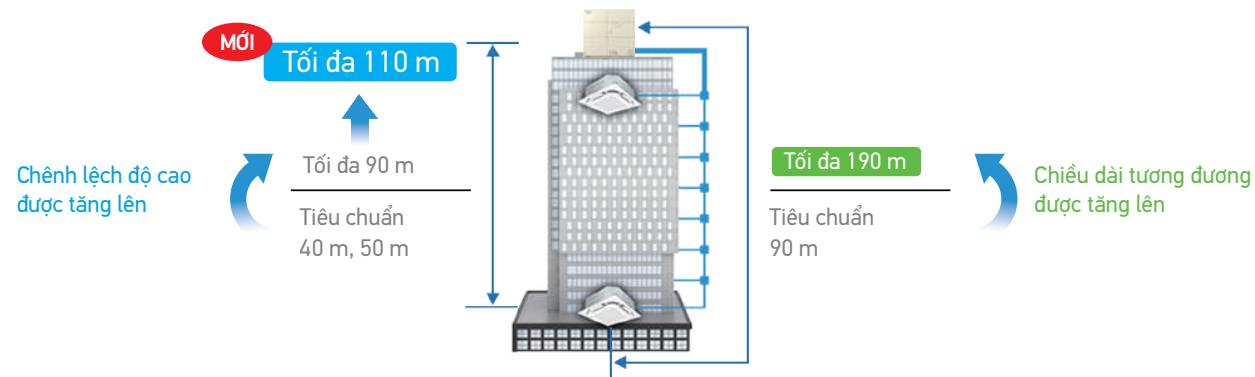
* Để biết phân loại dàn lạnh (điều khiển VRT Smart và điều khiển VRT), hãy tham khảo đây sản phẩm dàn lạnh.

Thiết Kế Linh Hoạt



Tăng chiều dài đường ống tương đương và chiều cao chênh lệch

Tính linh hoạt trong thiết kế được cải thiện hơn bằng cách tăng độ cao chênh lệch, tăng từ 90m lên 110m và chiều dài tương đương (lên đến 190m).



• Chênh lệch độ cao được tăng lên **Tối đa 110 m**

Chênh lệch độ cao vượt quá 50m với dàn nóng phía trên dàn lạnh và 40m với dàn nóng bên dưới, kích thước đường ống chất lỏng chính phải được tăng lên.

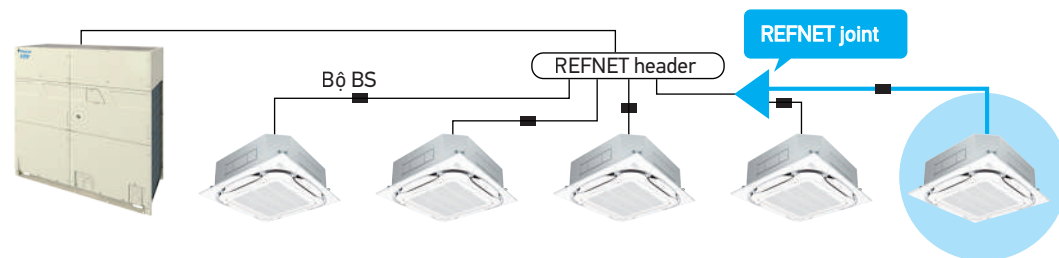
• Chiều dài tương đương được tăng lên **Tối đa 190 m**

Khi chiều dài đường ống tương đương từ dàn nóng đến dàn lạnh hơn 90m, hãy đảm bảo tăng kích thước của đường ống chất lỏng chính.

* Ngoài việc tăng kích thước đường ống chính, có những hạn chế khác đối với đường ống liên quan đến phần tăng độ cao chênh lệch và chiều dài tương đương. Xem Hướng Dẫn Lắp Đặt để biết thêm chi tiết.

Hỗ trợ phân nhánh phía cuối với REFNET header

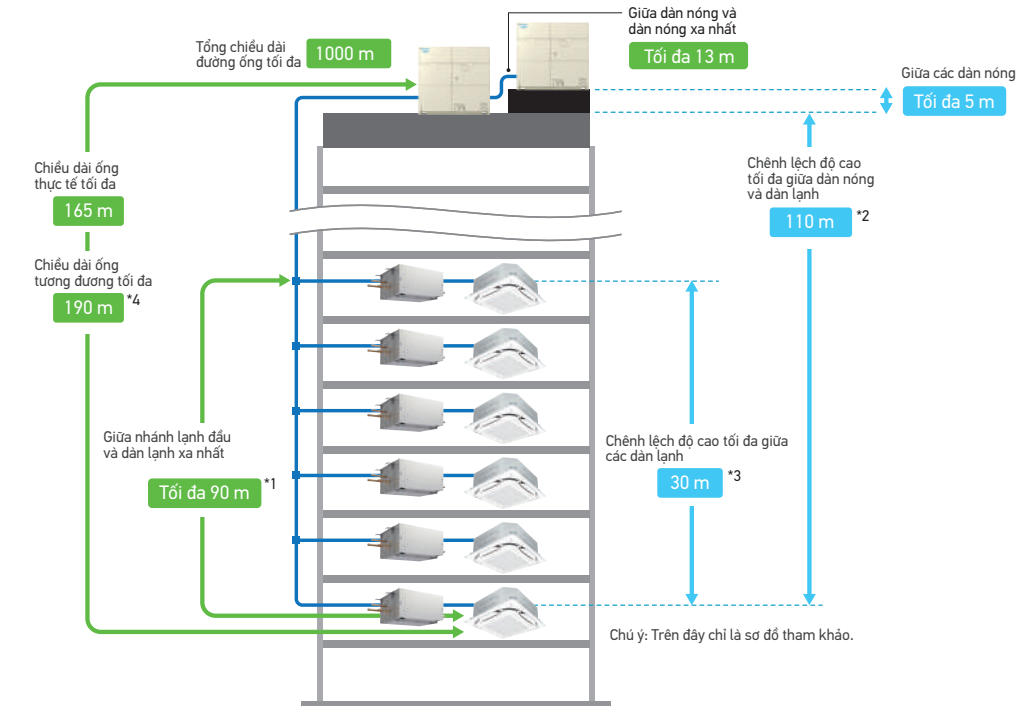
Có thể phân nhánh đường ống bằng REFNET joint ở dưới REFNET header. Việc bố trí dàn lạnh có thể linh hoạt hơn.



REFNET header		Tổng công suất dàn lạnh tại REFNET joint
3 ống	2 ống	
KHRP25M33H, KHRP25M72H + KHRP25M72TP	KHRP26M22H, KHRP26M33H, KHRP26M72H	< 50
KHRP25M73H + KHRP25M73TP	KHRP26M73H + KHRP26M73HP	≤ 140

Giới hạn đường ống dài

Chiều dài đường ống dài giúp việc thiết kế linh hoạt hơn, có thể phù hợp với các tòa nhà có kích thước lớn



Chiều dài đường ống cho phép tối đa	Chiều dài đường ống thực tế (Tương đương)	165 m (190 m) ^{*4}
	Tổng chiều dài đường ống	1000 m
	Giữa dàn lạnh đầu tiên và dàn lạnh xa nhất	90 m ^{*1}
Chênh lệch độ cao cho phép tối đa	Giữa nhánh dàn nóng và dàn nóng xa nhất (Tương đương)	10 m (13 m)
	Giữa các dàn nóng (Tổ hợp)	5 m
	Giữa các dàn lạnh	30 m ^{*3}
	Giữa các dàn nóng và dàn lạnh	110 m ^{*2}

*1. Không có yêu cầu đặc biệt nào lên đến 40m. Chiều dài ống thực tế tối đa là 90m tùy điều kiện. Các điều kiện và yêu cầu khác nhau phải được đáp ứng để cho phép sử dụng chiều dài đường ống 90m. Hãy nhớ tham khảo Sách Dữ Liệu Kỹ Thuật để biết chi tiết về các điều kiện và yêu cầu.
 *2. Khi độ cao chênh lệch trên 50m nếu dàn nóng ở trên dàn lạnh và 40m nếu dàn nóng ở dưới dàn lạnh, cần phải có yêu cầu cài đặt chuyên dụng trên dàn nóng. Tham khảo Sách Dữ Liệu Kỹ Thuật và liên hệ với đại lý địa phương của bạn để biết thêm thông tin.
 *3. Khi chênh lệch độ cao từ 15m trở lên, chiều dài đường ống thực tế tối đa phải là 120m.
 *4. Trong trường hợp chiều dài đường ống tương đương từ dàn nóng đến dàn lạnh >= 90m, hãy đảm bảo tăng kích thước đường ống chất lỏng chính. Không tăng kích thước đường ống áp suất gas cao/thấp và đường ống dẫn gas..

Tỷ lệ kết nối

Công suất kết nối tối đa là 200%.

Tỷ lệ kết nối
50% – 200%

Tỷ lệ kết nối = $\frac{\text{Tổng công suất dàn lạnh danh nghĩa}}{\text{Công suất dàn nóng danh nghĩa}}$

Điều kiện của công suất kết nối dàn lạnh VRV

Các dàn lạnh VRV thích hợp	Dàn lạnh				Các kiểu dàn lạnh VRV khác ^{*1}
	FXDQ	FXSQ	FXMQ-PA	FXAQ	
Dàn nóng đơn	200%				200%
Công suất 8-20 (HP)					180%
Công suất 22, 24 (HP)					160%
Tổ hợp 2 dàn nóng					130%
Tổ hợp 3 dàn nóng					130%

*1 Đối với các model FXF(S)(T)(R)Q25, tỉ lệ kết nối tối đa là 130% cho toàn bộ dàn lạnh.
 Chú ý: Nếu công vận hành dàn lạnh lớn hơn 130%, tất cả các dàn lạnh phải hoạt động ở mức gió thấp.
 *Tham khảo ở trang 25 để biết thêm về các tổ hợp dàn nóng.

Hỗ Trợ Kỹ Thuật

Hỗ trợ thiết kế và đề xuất bán hàng

Bằng việc không chỉ cung cấp các sản phẩm xuất sắc mà còn cả phần mềm kỹ thuật, Daikin giúp các tư vấn thiết kế và kiến trúc sư dễ dàng lựa chọn hệ thống VRV phù hợp để việc hoạt động các chức năng hiệu quả hơn và sau đó hỗ trợ tối ưu hóa môi trường (không gian) nơi hệ thống VRV được lắp đặt.

Lựa Chọn Model

Hỗ Trợ Thiết Kế

Phân Tích Và Mô Phỏng

Lựa Chọn Model

VRV Xpress

Name	FCU	Temp C	Rq TC	Max TC	Rq SC	Max SC	Temp H	Rq HC	Max HC	Airflow
Ind 1	FXFQ100AMM	24.0°C / 50%	8.0kW	9.7kW	8.0kW	6.0°C	20.0°C	12.5kW	533/s	
Ind 2	FXFQ100AMM	24.0°C / 50%	8.0kW	9.7kW	8.0kW	6.0°C	20.0°C	12.5kW	533/s	
Ind 3	FXFQ100AMM	24.0°C / 50%	8.0kW	9.7kW	8.0kW	6.0°C	20.0°C	12.5kW	533/s	
Ind 4	FXFQ100AMM	24.0°C / 50%	8.0kW	9.7kW	8.0kW	6.0°C	20.0°C	12.5kW	533/s	
Ind 5	FXFQ100AMM	24.0°C / 50%	8.0kW	9.7kW	8.0kW	6.0°C	20.0°C	12.5kW	533/s	
Ind 6	FXFQ100AMM	24.0°C / 50%	8.0kW	9.7kW	8.0kW	6.0°C	20.0°C	12.5kW	533/s	

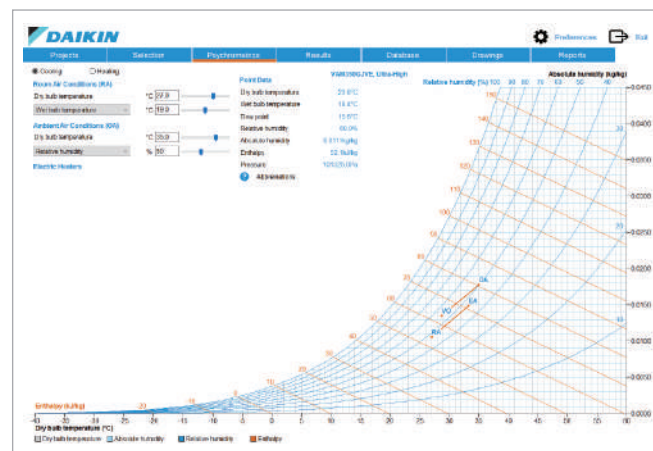
Lựa Chọn Model

- Thiết kế đường ống bao gồm Tightfit, đầu nối không hàn
- Tính toán lượng môi chất lạnh cần nạp

Phần mềm lựa chọn model VRV tiêu chuẩn

Hệ thống tối ưu được chọn tự động chỉ bằng cách nhập các điều kiện thiết kế.
Đường ống môi chất lạnh và lượng môi chất lạnh cần nạp được chọn tự động, bao gồm cả việc lựa chọn phụ kiện không hàn (TightFit)
Ngoài ra, nó còn hỗ trợ việc lập một bảng báo giá.

Ventilation Xpress



Lựa chọn model cho các sản phẩm thông gió

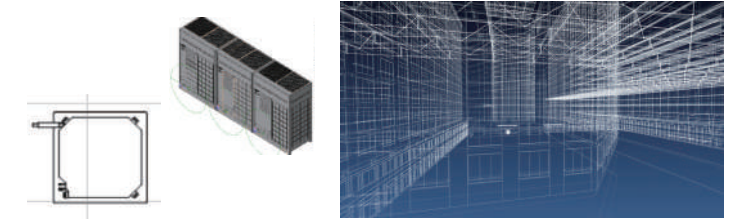
Phần mềm lựa chọn sản phẩm thông gió

Có thể lựa chọn Quạt Thông Gió Thu Hồi Nhiệt (series VAM) hoặc Bộ Xử Lý Không Khí Ngoài Trời (OAPU) theo các điều kiện đầu vào như lưu lượng thông gió và áp suất tĩnh bên ngoài.
Ngoài ra, điều kiện nhiệt độ và độ ẩm tại mỗi điểm của hệ thống đã chọn được biểu diễn trên ẩm đồ.

Hỗ Trợ Thiết Kế Bản Vẽ

Dữ liệu Revit 3D / Hình ảnh CAD 2D

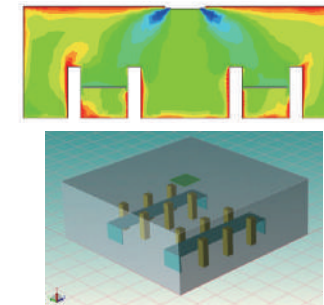
Dữ liệu Revit được sử dụng trong BIM. Nó không chỉ bao gồm dữ liệu 3D CAD mà còn bao gồm dữ liệu về đặc điểm kỹ thuật của thiết bị như lưu lượng gió và công suất. Daikin cũng cung cấp các dữ liệu hình ảnh tương thích với CAD 2D.



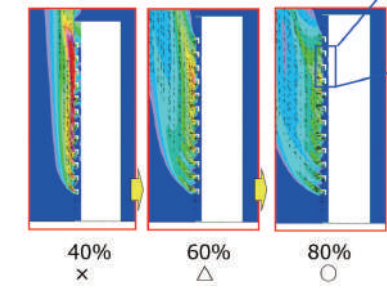
Phân Tích và Mô Phỏng

DT-FLOW2 (Mô phỏng luồng gió)

- Mô phỏng chất lượng môi trường bên trong (IEQ)
- Mô phỏng luồng không khí của dàn nóng



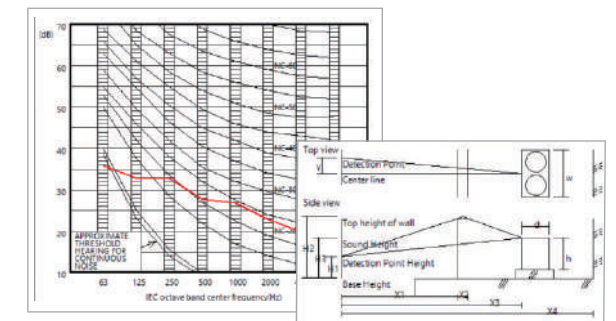
Phần mềm phân tích môi trường không khí trong nhà
Mô phỏng nhiệt độ và độ ẩm, CO₂, bụi và mức độ ô nhiễm.
Tạo model theo các đặc tính bằng Filder Cube (phần mềm thiết bị CAD), tính toán với IconCFD (phần mềm phân tích) và tự động xuất báo cáo.



Phần mềm phân tích luồng gió ngoài trời
Mô phỏng đoán mạch của dàn nóng và sử dụng nó như một tài liệu tham khảo để lắp đặt tối ưu.
Tạo model theo các đặc tính bằng Filder Cube (phần mềm thiết bị CAD), tính toán với IconCFD (phần mềm phân tích) và tự động xuất báo cáo.

DACCS-NIS (Tính toán độ ồn của dàn nóng)

Tùy thuộc vào điều kiện lắp đặt của thiết bị mà mô phỏng độ ồn của dàn nóng khi vận hành có thể nghe được ở mọi vị trí, giúp ích cho các biện pháp cách âm phù hợp tại công trường.



Dễ Dàng Lắp Đặt

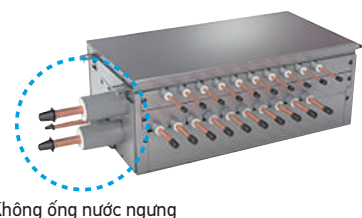


Bộ BS đa kết nối không ngưng tụ

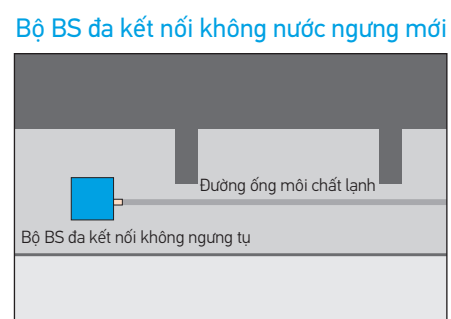
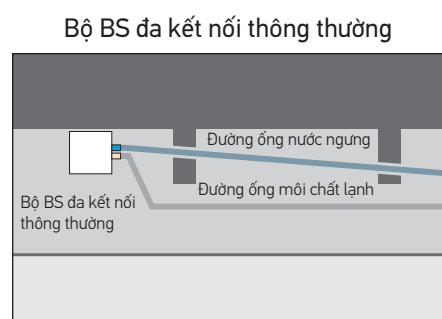
Chức năng không ngưng tụ giúp giảm đáng kể công việc lắp đặt tại công trình vì không cần đường ống nước ngưng.

- Dây sản phẩm đa dạng bao gồm số lượng cổng kết nối 4, 6, 8, 10, 12, và 16. *
- Nước ngưng được loại bỏ bằng cách sử dụng bột cách nhiệt bên trong vỏ. Công việc tại công trình được giảm thiểu đáng kể giúp giảm chi phí lắp đặt.

*Chức năng không ngưng tụ có sẵn thiết bị 12 cổng. Thiết bị 16 cổng yêu cầu phải có ống nước ngưng.



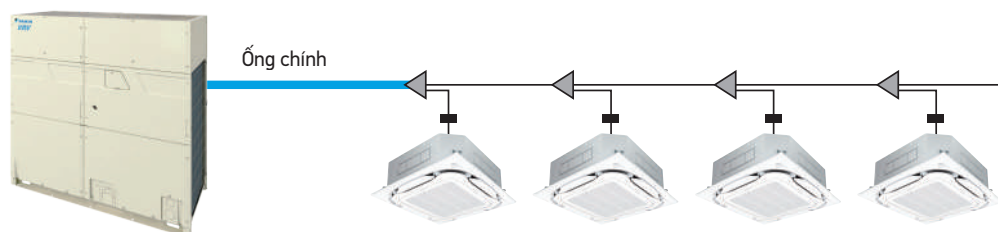
Không ống nước ngưng



Vì không cần đường ống thoát nước nên sản phẩm có thể được lắp đặt linh hoạt và chi phí lắp đặt sẽ giảm đáng kể.

Đường ống chính nhỏ hơn

Đối với các mô-đun đơn công suất 8-20 (HP), có thể giảm kích thước của đường ống chính để giảm chi phí xây dựng.



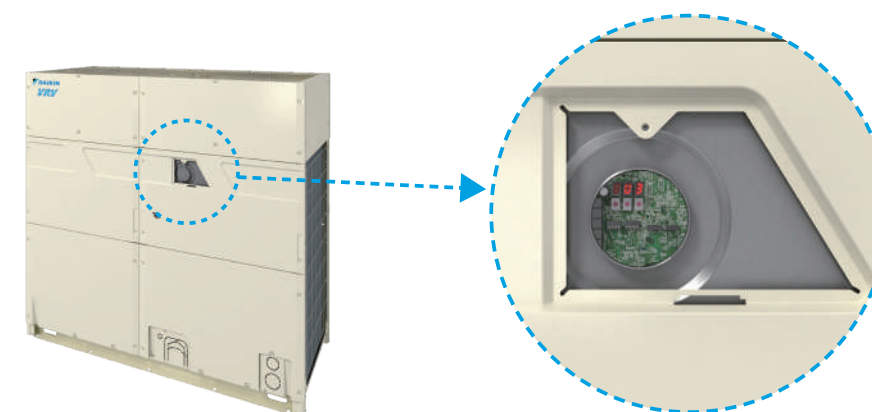
Có thể đạt được đường ống hơi áp suất cao/thấp và đường ống dẫn hơi nhỏ hơn được thể hiện ở bảng dưới đây. *1

Công suất (HP)	Đường ống lỏng	Đường ống hơi áp suất cao/thấp		Đường ống hơi hồi	
	Chỉ tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Kích thước đã giảm	Tiêu chuẩn	Kích thước đã giảm
8	9.5	15.9	15.9	19.1	12.7
10		19.1	19.1	22.2	15.9
12					
14	12.7	22.2	19.1	28.6	19.1
16					
18	15.9	28.6	28.6	34.9	28.6
20					
22					
24					34.9

*1 Có những hạn chế sau:
 • Kích thước của đường ống hạ lưu từ đường ống chính không được lớn hơn kích thước của đường ống chính.
 • Tổng công suất sưởi danh định của các dàn lạnh không được vượt quá công suất lạnh của dàn nóng.
 • Chiều dài đường ống tương đương tối đa : 70 m
 • Trong trường hợp này, cần có một bảng hiệu chỉnh chuyên dụng để hiệu chỉnh công suất theo chiều dài đường ống. Vui lòng liên hệ Daikin tại địa phương để biết thêm chi tiết.

Cửa sổ dịch vụ linh kiện điện tử

Một cửa sổ dịch vụ linh kiện điện tử mới được lắp đặt trên mặt nạ phía trước. Có thể tiếp cận đèn LED 7 đoạn của PCB chính mà không cần tháo bảng điều khiển phía trước.



Khả năng vận hành được cải thiện đáng kể trong quá trình thiết lập tại công trình hoặc chạy thử nghiệm. Bạn cũng có thể nhanh chóng kiểm tra mã lỗi trong quá trình bảo dưỡng.

Cải thiện khả năng làm việc của đường ống môi chất lạnh

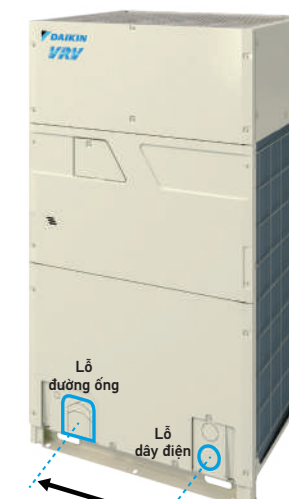
Bằng cách phân chia đường ống và lỗ đi dây sang trái và phải, công việc lắp đặt đường ống và đấu dây có thể dễ dàng thực hiện ngay tại công trường.

Model thông thường



Lắp đặt ở những nơi hẹp rất khó

VRV R

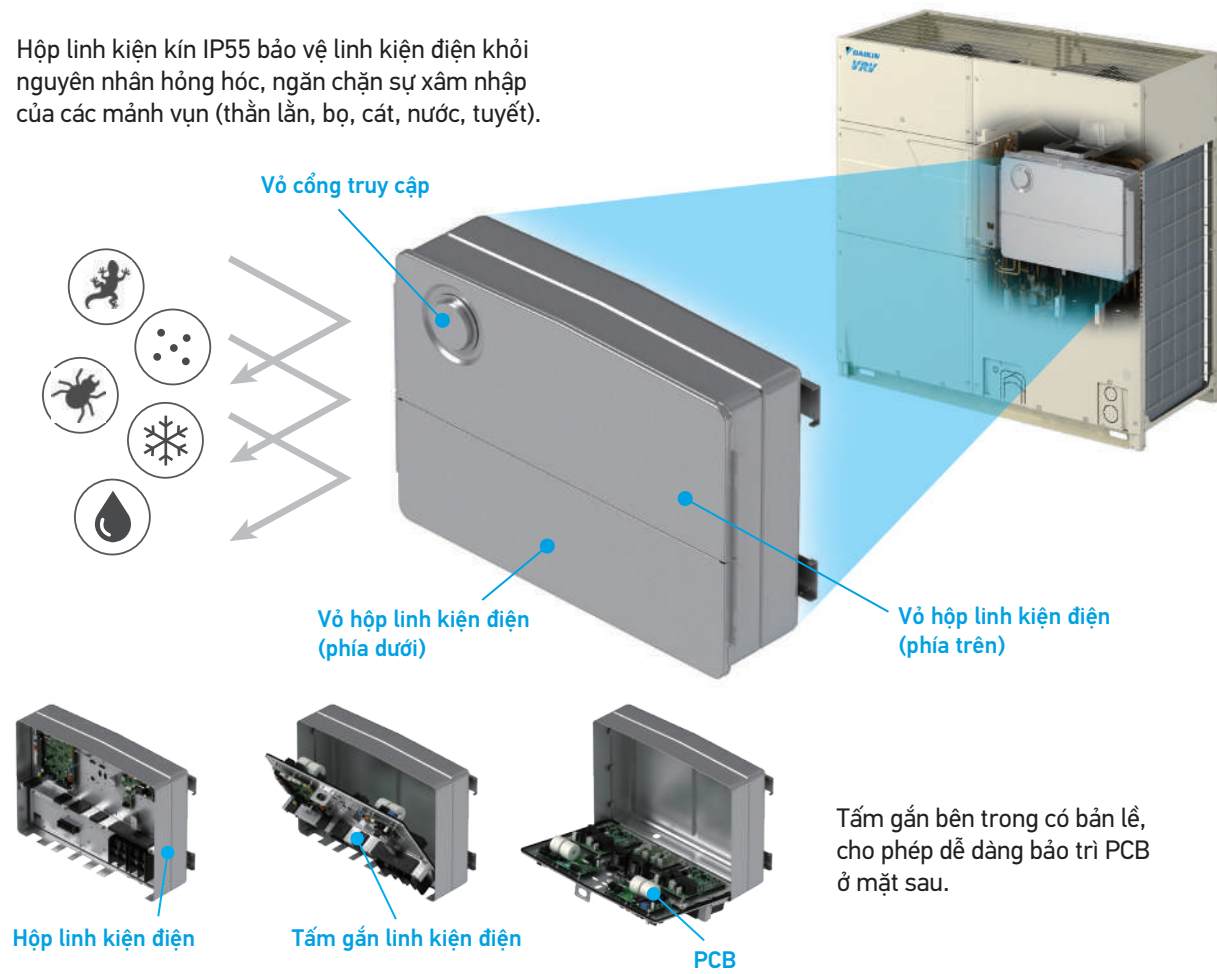


Việc lắp đặt trở nên dễ dàng hơn với không gian đủ rộng



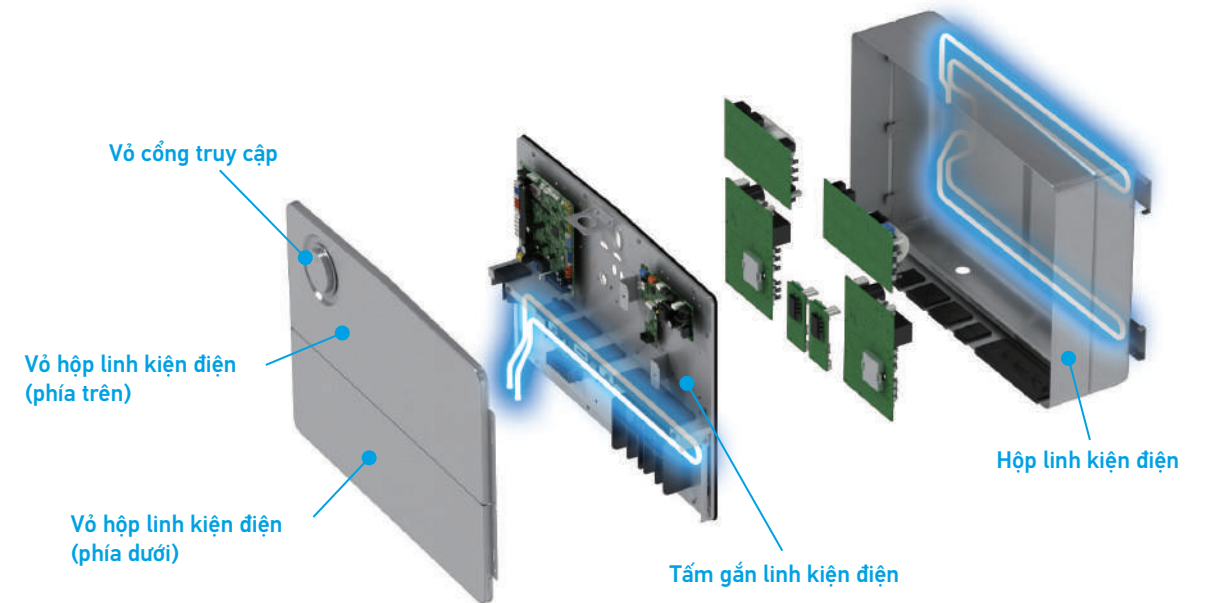
Hộp linh kiện kín tuân thủ IP55

Hộp linh kiện kín IP55 bảo vệ linh kiện điện khỏi nguyên nhân hỏng hóc, ngăn chặn sự xâm nhập của các mảnh vụn (thần lằn, bọ, cát, nước, tuyết).



Cho phép hoạt động ở nhiệt độ cao ngoài trời

Ba mạch làm mát môi chất lạnh cho phép hoạt động ổn định ngay cả trong nhiệt độ ngoài trời cao bằng cách ngăn chặn sự gia tăng nhiệt độ cho PCB được gắn trong hộp linh kiện điện kín.



IP55 là gì?

IP55 là cấp độ bảo vệ chống bụi và nước cho hộp linh kiện điện được trang bị trên sản phẩm.

IP55

Bảo vệ sự xâm nhập của chất lỏng

Mức 5

Kháng nước từ vòi phun (6.3 mm) vào bên trong hộp theo bất kỳ hướng nào.

Bảo vệ sự xâm nhập của chất rắn

Mức 5

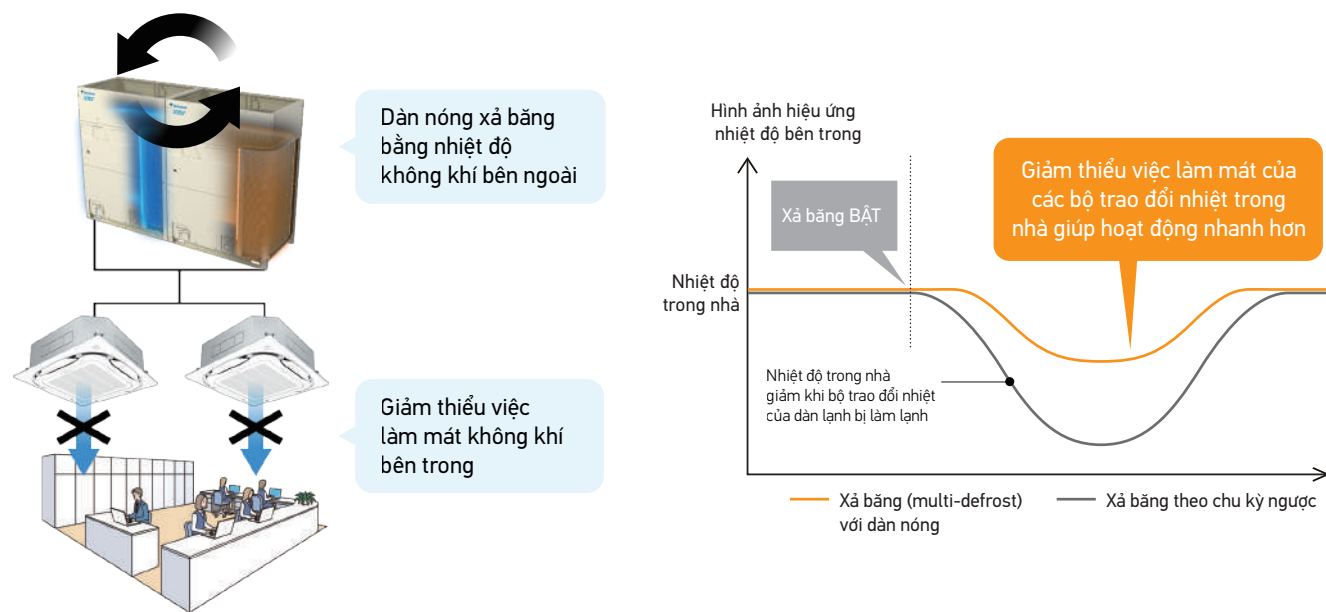
Sự xâm nhập của bụi không được ngăn chặn hoàn toàn, nhưng sự xâm nhập đó không đủ để cản trở hoạt động của thiết bị.

Bảo vệ sự xâm nhập

*IP55 là cấp độ bảo vệ của hộp đấu dây như một thiết bị đơn. Cấp bảo vệ của dàn nóng là IP14 như những model thông thường.



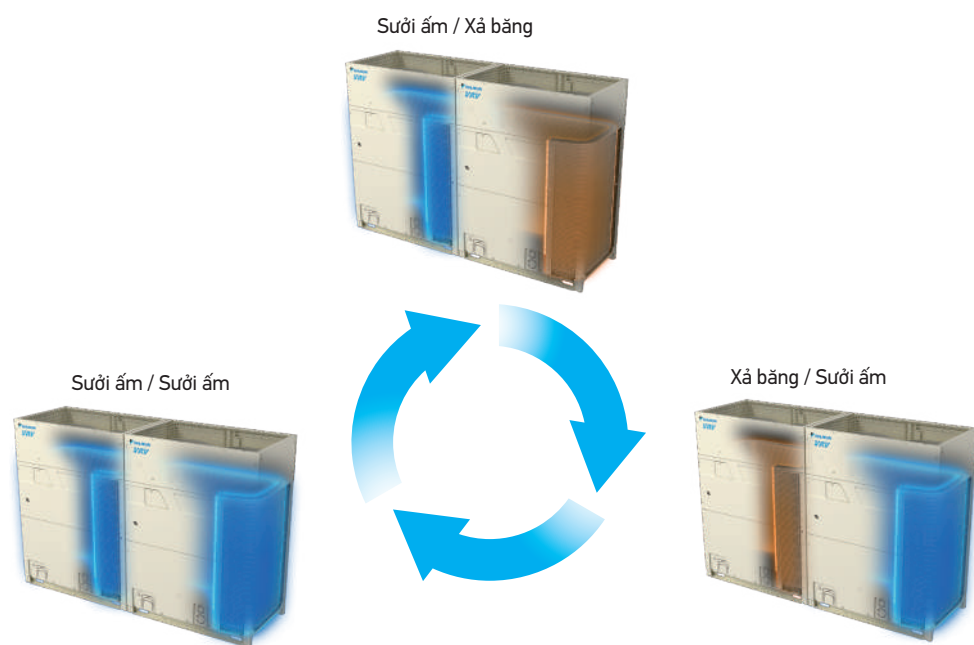
■ Dàn nóng với chức năng xả băng (multi-defrost)



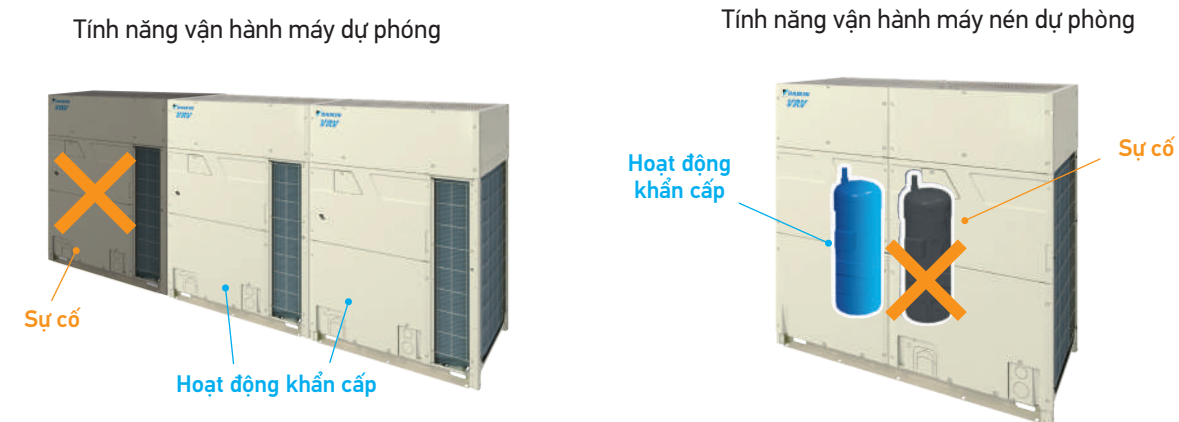
Cải thiện sự thoải mái khi hoạt động xả băng

Xả băng trong các model thông thường là quá trình tạm thời đảo ngược chu trình lạnh để sử dụng nhiệt bên trong làm tan băng, do đó làm giảm nhiệt độ bên trong (chu trình xả băng ngược). Dàn nóng với chức năng xả băng (multi-defrost) cho phép các dàn nóng model công suất lớn 22 và 24 (HP) và dàn nóng đa kết nối sử dụng nhiệt ngoài trời để trao đổi nhiệt và trao đổi hoạt động xả băng đồng thời giảm thiểu sự hấp thụ nhiệt trong nhà và giảm nhiệt độ bên trong.

*Cũng có thể thực hiện xả băng theo chu trình ngược để bảo vệ sản phẩm

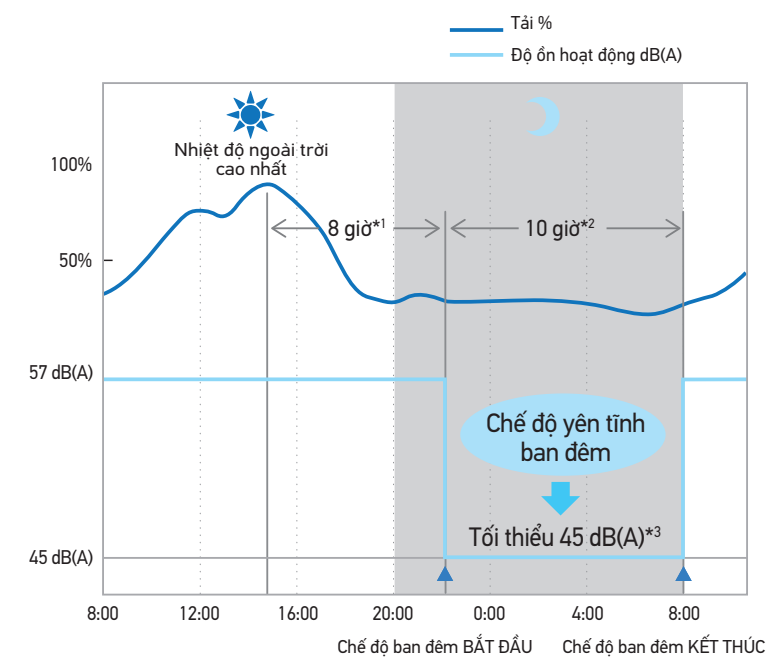


■ Tính năng vận hành dự phòng kép



■ Chức năng hoạt động yên tĩnh vào ban đêm

Chức năng hoạt động yên tĩnh vào ban đêm sẽ tự động triệt tiêu âm thanh hoạt động vào ban đêm bằng cách giảm công suất hoạt động để duy trì môi trường yên tĩnh của khu vực xung quanh. Có sẵn ba chế độ để lựa chọn tùy thuộc vào mức độ yêu cầu.



*1. 8 giờ là mặc định. Có thể chọn từ 6, 8 và 10 giờ.
*2. 9 giờ là mặc định. Có thể chọn từ 8,9 và 10 giờ.
*3. Trong trường hợp dàn nóng công suất 10 HP.

Ghi chú: • Chức năng này có sẵn trong cài đặt tại công trình.
• Độ ồn hoạt động ở chế độ hoạt động yên tĩnh là giá trị thực tế đo công ty chúng tôi đo lường.
• Mỗi quan hệ của nhiệt độ ngoài trời (tải) và thời gian được trình bày ở trên chỉ là một ví dụ.

Dãy Sản Phẩm Bộ BS

Bộ BS kết nối đơn và đa kết nối giúp cho việc thiết kế linh hoạt hơn.

Bộ BS đa kết nối



Loại Không Nước Ngưng

- BS4Q14BVM (4-nhánh)
- BS6Q14BVM (6-nhánh)
- BS8Q14BVM (8-nhánh)
- BS10Q14BVM (10-nhánh)
- BS12Q14BVM (12-nhánh)

Loại Tiêu Chuẩn

- BS16Q14AVM (16-nhánh)

Không cần đường ống nước ngưng (Chỉ dành cho loại không nước ngưng)

- Dễ dàng lắp đặt
- Ít rủi ro rò rỉ nước

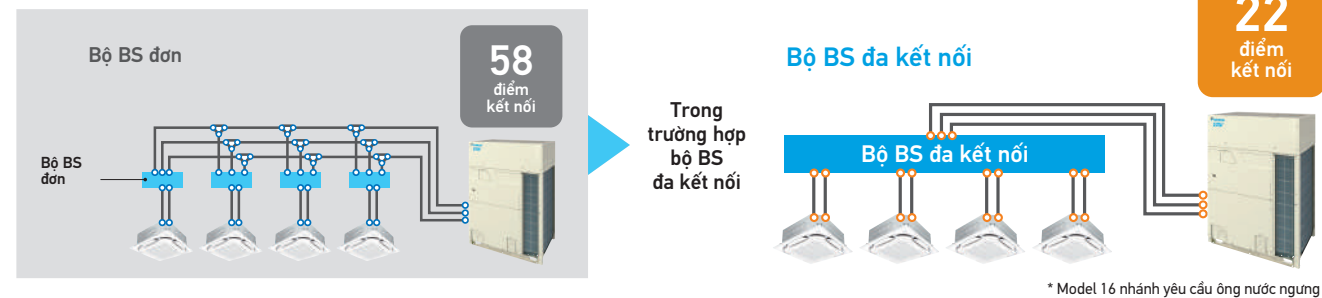
Dãy sản phẩm đa dạng

- Một bộ BS có tối đa 16 nhánh với công suất lên đến 30HP

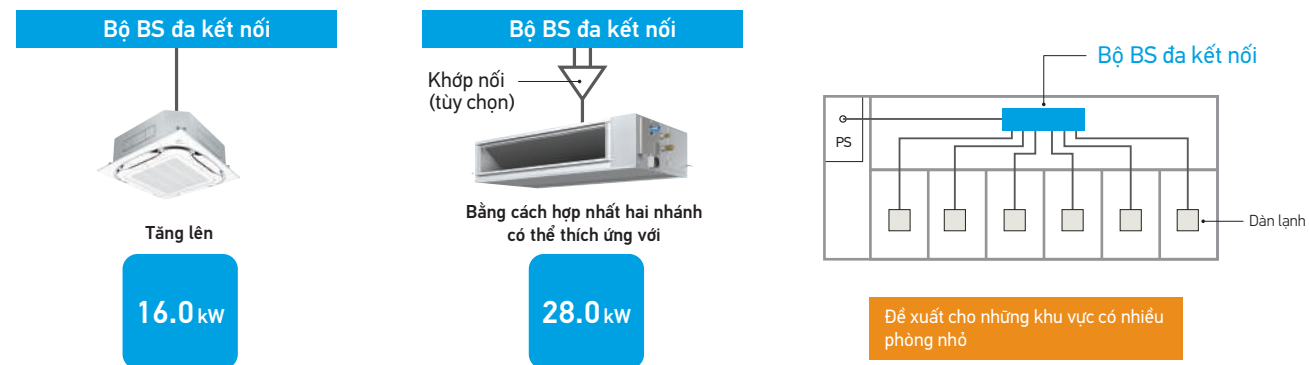
Điều khiển riêng và chuyển đổi làm lạnh/sưởi ấm cho từng nhánh

Giảm chi phí lắp đặt bằng cách giảm các điểm hàn.

Bộ BS đa kết nối giúp giảm đáng kể công việc lắp đặt và chi phí xây dựng



Tính linh hoạt trong thiết kế cao hơn bằng cách tăng phạm vi công suất kết nối



Độ ồn tức thời thấp hơn

Bộ BS mới đạt được độ ồn tức thời thấp hơn.

Độ ồn thoáng qua tối đa	Bộ BS đa kết nối						Bộ BS đơn		
	4 nhánh	6 nhánh	8 nhánh	10 nhánh	12 nhánh	16 nhánh	loại 100	loại 160	loại 250
Độ ồn (dB(A))*	45	47	47	48	48	49	40	45	45

*Giá trị quy đổi trong phòng không dội âm, được đo tại điểm cách tâm đơn vị 1m hướng xuống.

Bộ BS đơn



Loại không nước ngưng

- BSQ100AVE
- BSQ160AVE
- BSQ250AVE

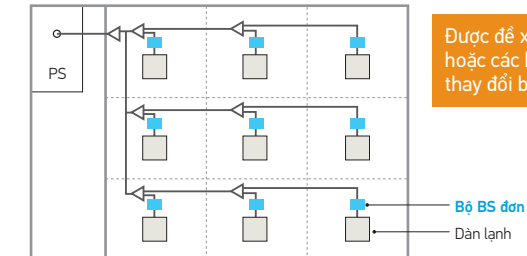
Không cần đường ống nước ngưng

- Dễ dàng lắp đặt
- Ít rủi ro rò rỉ nước

Lắp đặt nhỏ gọn và linh hoạt

Thiết kế linh hoạt

Độ ồn thấp



Thông số kỹ thuật

Bộ BS đa kết nối

MODEL	BS4Q14BVM	BS6Q14BVM	BS8Q14BVM	BS10Q14BVM	BS12Q14BVM	BS16Q14AVM
Số lượng nhánh	4	6	8	10	12	16
Công suất danh định dàn lạnh của nhánh	Tối đa 140					
Công suất danh định của dàn lạnh	Tối đa 400	Tối đa 600	Tối đa 750			
Số lượng dàn lạnh trên mỗi nhánh	5					

Bộ BS đơn

MODEL	BSQ100AVE	BSQ160AVE	BSQ250AVE
Số lượng nhánh	1		
Tổng công suất danh định của các dàn lạnh có thể kết nối	20 đến 100	Lớn hơn 100 nhưng nhỏ hơn 160	Lớn hơn 160 nhưng nhỏ hơn 250
Số lượng dàn lạnh có thể kết nối	Tối đa 5	Tối đa 8	

Dãy sản phẩm dàn nóng

Dãy công suất từ 8 đến 60 (HP)

Dãy sản phẩm

Công suất (HP)		8	10	12	14	16	18	20	22	24	26	28	30	32	34	36	38	40	42	44	46	48	50	52	54	56	58	60		
VRV R SERIES	Dàn nóng đơn	●	●	●	●	●	●	●	●	●																				
	Tổ hợp 2 dàn nóng										●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●							
	Tổ hợp 3 dàn nóng																							●	●	●	●	●	●	

Tổ hợp dàn nóng

Công suất (HP)	kW	Chỉ số công suất	Tên model	Tổ hợp	Công cụ kết nối các dàn nóng ¹	Tổng công suất danh định của tổ hợp dàn lạnh ²	Số dàn lạnh kết nối tối đa ²
8	22.4	200	REYQ8B	REYQ8B	-	100 đến 260 (400)	13 (20)
10	28.0	250	REYQ10B	REYQ10B	-	125 đến 325 (500)	16 (25)
12	33.5	300	REYQ12B	REYQ12B	-	150 đến 390 (600)	19 (30)
14	40.0	350	REYQ14B	REYQ14B	-	175 đến 455 (700)	22 (35)
16	45.0	400	REYQ16B	REYQ16B	-	200 đến 520 (800)	26 (40)
18	50.0	450	REYQ18B	REYQ18B	-	225 đến 585 (900)	29 (45)
20	56.0	500	REYQ20B	REYQ20B	-	250 đến 650 (1,000)	32 (50)
22	61.5	550	REYQ22B	REYQ22B	-	275 đến 715 (990)	35 (49)
24	67.0	600	REYQ24B	REYQ24B	-	300 đến 780 (1,080)	39 (54)
26	73.5	650	REYQ26B	REYQ12B + REYQ14B	BHFP26R135	325 đến 845 (1,040)	42 (52)
28	78.5	700	REYQ28B	REYQ12B + REYQ16B		350 đến 910 (1,120)	45 (56)
30	83.5	750	REYQ30B	REYQ12B + REYQ18B		375 đến 975 (1,200)	48 (60)
32	89.5	800	REYQ32B	REYQ12B + REYQ20B		400 đến 1,040 (1,280)	52 (64)
34	96.0	850	REYQ34B	REYQ14B + REYQ20B		425 đến 1,105 (1,360)	55 (64)
36	101	900	REYQ36B	REYQ16B + REYQ20B		450 đến 1,170 (1,440)	58 (64)
38	106	950	REYQ38B	REYQ18B + REYQ20B		475 đến 1,235 (1,520)	61 (64)
40	112	1,000	REYQ40B	REYQ20B × 2		500 đến 1,300 (1,600)	64 (64)
42	117	1,050	REYQ42B	REYQ18B + REYQ24B		525 đến 1,365 (1,680)	
44	123	1,100	REYQ44B	REYQ20B + REYQ24B		550 đến 1,430 (1,760)	
46	129	1,150	REYQ46B	REYQ22B + REYQ24B	575 đến 1,495 (1,840)		
48	134	1,200	REYQ48B	REYQ24B × 2	600 đến 1,560 (1,920)		
50	140	1,250	REYQ50B	REYQ12B + REYQ18B + REYQ20B	625 đến 1,625 (1,625)		
52	146	1,300	REYQ52B	REYQ12B + REYQ20B × 2	650 đến 1,690 (1,690)		
54	152	1,350	REYQ54B	REYQ14B + REYQ20B × 2	675 đến 1,755 (1,755)		
56	157	1,400	REYQ56B	REYQ16B + REYQ20B × 2	700 đến 1,820 (1,820)		
58	162	1,450	REYQ58B	REYQ18B + REYQ20B × 2	725 đến 1,885 (1,885)		
60	168	1,500	REYQ60B	REYQ20B × 3	750 đến 1,950 (1,950)		

Lưu ý: ¹ Đối với kết nối tổ hợp của hệ thống công suất 26 trở lên, cần phải có bộ nối đa chức năng dàn nóng (bán riêng).
² Giá trị trong ngoặc dựa trên kết nối các dàn lạnh được ghi nhận ở mức công suất tối đa, 200% đối với REYQ8-20BYM9, 180% đối với REYQ22 / 24BYM9, 160% đối với tổ hợp 2 dàn nóng và 130% đối với tổ hợp 3 dàn nóng. Tham khảo trang 14 để biết lưu ý về khả năng kết nối của các dàn lạnh.

Dãy Dàn Lạnh

Nhiều sự lựa chọn

● Sản phẩm mới Dàn lạnh có điều khiển VRT Smart

Mục	Loại	Tên model	Dây công suất (kW)	Chỉ số công suất																											
				20	25	32	40	50	63	71	80	100	125	140	145	160	180	200	250												
Cassette Âm Trần	Cassette Round Flow có cảm biến và Streamer	Mới FXFTQ-AVM		●	●	●	●	●																							
	Cassette Round Flow có Streamer	Mới FXFRQ-AVM ^{1, 2}		●	●	●	●	●																							
	Cassette Round Flow có cảm biến	FXFSQ-AVM		●	●	●	●	●																							
	Cassette Round Flow	FXFQ-AVM ¹		●	●	●	●	●																							
	4 hướng thổi nhỏ gọn	FXZQ-AVM		●	●	●	●	●																							
	2 hướng thổi	FXCQ-AVM		●	●	●	●	●																							
Giấu trần nổi ống gió	Dạng mỏng (Đồng tiêu chuẩn)	FXDQ-PDVE		●	●	●																									
		FXDQ-NDVE					●	●	●																						
	Dạng mỏng (Nhỏ gọn)	FXDQ-TV1C(A)		●	●	●	●	●																							
		FXDQ-SPV1 ²		●	●	●	●	●																							
	Áp suất tĩnh trung bình	FXSQ-PAVE		●	●	●	●	●																							
		FXDYQ-MAV1																													
	Áp suất tĩnh trung bình-cao	FXMQ-PAVE		●	●	●	●	●																							
		FXMQ-PV1A																													
	Áp suất tĩnh cao	FXMQ-PV1A																													
		FXMQ-MFV1 ¹																													
Áp trần	Bộ xử lý không khí ngoài trời	Mới FXMQ-AFVM																													
	Áp trần 4 hướng thổi	FXUQ-AVEB																													
		Áp trần	FXHQ-MAVE																												
Treo tường	Đặt sàn	FXLQ-MAVE		●	●	●	●	●																							
		FXNQ-MAVE ¹		●	●	●	●	●																							
	Đặt sàn nổi ống gió	FXNQ-A2VEB ²		●	●	●	●	●																							
Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt với DX-Coil	Mới VKM-GCVE ²		Lưu lượng gió 500-950 m³/h																												
Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt	Mới VAM-HVE		Lưu lượng gió 150-2000 m³/h																												
Thiết bị xử lý không khí AHU	AHUR		Công suất 8-60																												

Lưu ý:
 1. Đối với các dàn lạnh không có 'VRT Smart', điều khiển 'VRT' tiêu chuẩn có sẵn (không bao gồm hệ thống thông gió thu hồi nhiệt & Bộ xử lý không khí series FXMQ-MF).
 2. *1: Không có sẵn cho New Zealand
 *2: Không có sẵn cho Australia

Danh Sách Tùy Chọn

Dàn nóng

STT	Tên		Loại		REYQ8B	REYQ18B	REYQ26B	REYQ38B	REYQ50B	REYQ56B	
			REYQ10B	REYQ20B	REYQ28B	REYQ40B	REYQ52B	REYQ58B			
			REYQ12B	REYQ22B	REYQ30B	REYQ42B	REYQ44B	REYQ54B	REYQ60B		
			REYQ14B	REYQ24B	REYQ32B	REYQ44B	REYQ46B				
			REYQ16B		REYQ34B	REYQ46B	REYQ48B				
1	Đường ống dẫn phân phối*1	3 Ống	REFNET header	KHRP25M33H(Tối đa 8 nhánh), KHRP25M72H(Tối đa 8 nhánh), KHRP25M73H(Tối đa 8 nhánh)							
			REFNET joint	BHRP25A22T, BHRP25A33T, BHRP25A72T, BHRP25A73T							
			Bộ giảm kích thước đường ống	KHRP25M72TP, KHRP25M73TP							
		2 Ống	REFNET header	KHRP26M22H(Tối đa 4 nhánh), KHRP26M33H(Tối đa 8 nhánh), KHRP26M72H(Tối đa 8 nhánh), KHRP26M73H(Tối đa 8 nhánh)							
			REFNET joint	KHRP26A22T, KHRP26A33T, KHRP26A72T, KHRP26A73T							
			Bộ giảm kích thước đường ống	KHRP26M73HP, KHRP26M73TP							
2	Bộ nối đa chức năng dàn nóng		-		BHFP26R135		BHFP26R168				

Lưu ý: *1. Các bộ phận REFNET thích hợp nên được chọn để phù hợp với tổng công suất danh định của các dàn lạnh được kết nối bên dưới mỗi REFNET, dựa trên sách hướng dẫn lắp đặt.

PCB tùy chọn

STT	Tên		Loại							
			REYQ8B	REYQ16B	REYQ24B	REYQ32B	REYQ40B	REYQ48B	REYQ56B	
			REYQ10B	REYQ18B	REYQ26B	REYQ34B	REYQ42B	REYQ50B	REYQ58B	
			REYQ12B	REYQ20B	REYQ28B	REYQ36B	REYQ44B	REYQ52B	REYQ60B	
			REYQ14B	REYQ22B	REYQ30B	REYQ38B	REYQ46B	REYQ54B		
1	Bộ chuyển đổi mở rộng DIII-NET + Bộ chuyển đổi dây		DTA109A51 + BER11A							
2	Bộ tiếp hợp điều khiển bên ngoài		DTA104A62							

GHI CHÚ